TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: **198**/2019/DS-PT Ngày 08- 11- 2019 V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hà.

Các Thẩm phán: Ông Cao Minh Lễ

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân là Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình- Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 08 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ ý số: 188/2019/TLPT- DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 117/2019/DS- ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 363/2019/QĐPT- DS ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 486, tổ 14, ấp MT, xã MP, huyện C P, tỉnh AG.

2. Bị đơn:

2.1 Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956 (Xin vắng mặt).

2.2 Anh Trịnh Minh Tr, sinh năm 1983 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Tổ 10, ấp MT, xã MP, huyện C P, tỉnh AG.

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị X là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà có làm chủ hụi, bà X có tham gia của bà 05 dây hụi và còn nợ tiền hụi của bà tổng cộng 353.000.000đ theo Biên nhận ngày 24/12/2016 do bà X ký tên. Bà còn cho bà X và anh Tr (con bà X) vay nhiều lần tổng cộng 600.000.000đ theo 04 biên nhận nợ gồm: Biên nhận ngày 20/8AL/2015 vay 100.000.000đ và Biên nhận ngày 20/02AL/2016 vay 200.000.000đ do bà X, anh Tr cùng ký tên; Biên nhận ngày 02/10AL/2016 vay 200.000.000đ và Biên nhận ngày 13/12AL/2016 vay 100.000.000đ do bà X ký tên. Từ khi vay đến nay, bà X và anh Tr chưa trả vốn và lãi.

Nay bà yêu cầu bà X trả tiền hụi 353.000.000đ và bà X, anh Tr có nghĩa vụ liên đới trả tiền vay là 600.000.000đ và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị X trình bày:

Bà có tham gia 05 dây hụi do bà M làm chủ và còn nợ số tiền 353.000.000đ theo đúng như Biên nhận ngày 24/12/2016. Về tiền vay, bà chỉ vay 100.000.000đ theo Biên nhận ngày 20/8/2015 có chữ ký của bà và anh Tr. Đối với các khoản vay còn lại bà không thừa nhận, việc bà có ký tên vào các biên nhận còn lại hay không thì bà không nhớ, bà xác định có ký nhiều giấy tờ cho bà M nhưng do tin tưởng nhau nên bà không đọc lại nội dung trước khi ký.

Bà đồng ý trả bà M tiền hụi 353.000.000đ và tiền vay 100.000.000đ, tổng cộng 453.000.000đ, xin bỏ lãi và trả dần 3.000.000đ/tháng, khi nào có tiền thì sẽ trả thêm.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang đã tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả bà Nguyễn Thị M tiền hụi 353.000.000đ, tiền vay 300.000.000đ và tiền lãi vay 96.399.000đ, tổng cộng 749.399.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng)

Buộc bà Nguyễn Thị X và anh Nguyễn Minh Tr có nghĩa vụ liên đới trả bà M 300.000.000đ và lãi 126.933.000đ, tổng cộng 426.933.000đ (Bốn trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Bà X được miễn án phí dân sự sơ thẩm

Anh Tr phải chịu 10.538.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Bà M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo và thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29 tháng 8 năm 2019 bà Nguyễn Thị X nộp Đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2019/DS-ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, bà không đồng ý trả cho bà M số tiền 600.000.000đ.

Các đương sự khác trong vụ án không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa và phát biểu ý kiến: Tại giai đoạn phúc thẩm những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị X; Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2019/DS- ST ngày 08/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị X kháng cáo trong thời hạn luật định nên đủ cơ sở pháp lý để xem xét yêu cầu kháng cáo của bà X theo trình tự phúc thẩm.

Bà Nguyễn Thị X kháng cáo nhưng có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ghi ngày 07/11/2019. Anh Trịnh Minh Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với anh Tr.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn là bà Nguyễn Thị X giữ nguyên yêu cầu kháng cáo để kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2017/DS- ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, bà không đồng ý trả cho bà M số tiền 600.000.000đ. Xét kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận định từng vấn đề cụ thể như sau:

[3] Về nợ hụi, bà X thừa nhận còn nợ bà M số tiền 353.000.000đ nên án sơ thẩm đã buộc bà X trả cho bà M số tiền 353.000.000đ là có căn cứ nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X.

[4] Về nợ vay, bà M khởi kiện yêu cầu bà X và anh Tr trả số tiền 600.000.000đ theo 04 biên nhận nợ gồm: Biên nhận ngày 20/8/2015 ghi bà X vay của bà M số tiền 100.000.000đ và Biên nhận ngày 20/02/2016 ghi bà X, anh Tr vay của bà M số tiền 200.000.000đ do bà X, anh Tr cùng ký tên; Biên nhận ngày 02/10/2016 ghi bà X, anh Tr vay của bà M số tiền 200.000.000đ và Biên nhận ngày 13/12/2016 ghi bà X, anh Tr vay của bà M số tiền 100.000.000đ do bà X ký tên. Bà X thừa nhận bà và anh Tr có vay của bà M số tiền 100.000.000đ theo Biên nhận ngày 20/8/2015 và bà X không thừa nhận vay của bà M số tiền 500.000.000đ theo 03 Biên nhận ngày 20/02/2016, ngày 02/10/2016, ngày 13/12/2016. Tuy nhiên, bà X cho rằng có ký tên rất nhiều giấy tờ cho bà M nhưng các biên nhận này bà có ký tên hay không thì bà không nhớ. Tại giai đoạn phúc thẩm, bà X không cung cấp chứng cứ mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo và bà X không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết để chứng minh các Biên

nhận này không phải chữ ký, chữ viết của bà X và anh Tr. Do đó, án sơ thẩm đã căn cứ vào 02 Biên nhận 02/10/2016 và ngày 13/12/2016 để buộc bà X trả cho bà M số tiền vốn 300.000.000đ, căn cứ vào 02 Biên nhận ngày 20/8/2015 và ngày 20/02/2016 để buộc bà X và anh Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà M số tiền vốn 300.000.000đ là có căn cứ.

[5] Về lãi suất, do hai bên thỏa thuận vay nợ nhiều lần với lãi suất 6%/tháng là cao nhưng bà M yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng là có lợi cho bà X và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Về thời gian vay bà M cho rằng cho vay vào ngày âm lịch nhưng biên nhận không thể hiện nên cần tính lãi theo ngày dương lịch. Bà M cho rằng bà X, anh Tr chưa trả lãi và bà X, anh Tr không cung cấp chứng cứ chứng minh đã trả lãi cho bà M nên lãi suất sẽ được tính như sau:

[5.1] Số tiền 100.000.000đ theo Biên nhận ngày 20/8/2015 đến ngày xét xử (08/8/2019) là 03 năm 11 tháng 18 ngày (100.000.000 x 1%/tháng x 03 năm 11 tháng 18 ngày) 47.599.000đ.

[5.2] Số tiền 200.000.000đ theo Biên nhận ngày 20/02/2016 đến ngày xét xử (08/8/2019) là 03 năm 05 tháng 18 ngày (200.000.000 x 01%/tháng x 03 năm 05 tháng 18 ngày) 83.199.000đ.

[5.3] Số tiền 200.000.000đ theo Biên nhận ngày 02/10/2016 đến ngày xét xử (08/8/2019) là 02 năm 10 tháng 06 ngày (200.000.000 x 01%/tháng x 2 năm 10 tháng 06 ngày) 68.399.000đ.

[5.4] Số tiền 100.000.000đ theo Biên nhận ngày 13/12/2016 đến ngày xét xử (08/8/2019) là 02 năm 07 tháng 25 ngày là (100.000.000 x 01%/tháng x 02 năm 07 tháng 25 ngày) 31.833.000đ.

Như vậy, bà X và anh Tr phải trả lãi là 130.798.000đ nhưng cấp sơ thẩm buộc trả lãi 126.933.000đ là đã có lợi cho bà X, anh Tr. Bà X phải trả lãi là 100.232.000đ nhưng cấp sơ thẩm buộc trả 96.399.000đ là đã có lợi cho bà X. Tuy nhiên, bà M không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Do đó, án sơ thẩm đã buộc bà X, anh Tr phải trả cho bà M số tiền (vốn 300.000.000đ, lãi là 126.933.000đ) 426.933.000đ và bà X phải trả cho bà M số tiền (vốn 300.000.000đ, lãi là 96.399.000đ) 396.399.000đ là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà X có Đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại Đơn khởi kiện bà M có yêu cầu bà X trả lãi của số tiền hụi là 353.000.000đ và quá trình giải quyết vụ án bà đã rút yêu cầu trả lãi hụi nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chưa đình chỉ một phần yêu cầu của bà M là có thiếu sót tại quyết định của bản án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Minh Tr là có sự nhầm lẫn. Xét thiếu sót của cấp sơ thẩm không ảnh hưởng đến nội dung của việc giải quyết vụ án nên cần nêu ra để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên được giữ nguyên.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2019/DS-ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú như đề xuất của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tại phiên tòa.

[6] Về án phí: Yêu cầu kháng cáo của bà X không được chấp nhận nhưng bà X là người cao tuổi và có Đơn xin miễn án phí nên bà được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 468, Điều 470, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị X. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2019/DS- ST ngày 08 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Buộc bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền hụi 353.000.000đ, tiền vay 300.000.000đ và lãi 96.399.000đ. Tổng cộng: 749.399.000đ (Bảy trăm bốn mươi chín triệu ba trăm chín mươi chín nghìn đồng).

4. Buộc bà Nguyễn Thị X và anh Trịnh Minh Tr cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền (vốn vay 300.000.000đ và lãi 126.933.000đ) 426.933.000đ (Bốn trăm hai mươi sáu triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng).

5. Về án phí:

5.1 Bà Nguyễn Thị X được miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

5.2 Anh Trịnh Minh Tr phải nộp 10.538.000đ (Mười triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H.CP;
- TAND.H.CP
- Tòa Dân sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Văn phòng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thúy Hà